

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 7 -2021
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh
2. Ông Thái Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐ – HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trung H, sinh năm 1996; trú tại: Tổ 8, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1988; trú tại: Tổ 2, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trung H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chí T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn, không cùng chung quan điểm nên thường phát sinh tranh cãi bất hòa. Đến tháng 6 năm 2013 anh, chị sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống

chung không còn hạnh phúc, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người điều có cuộc sống riêng nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo X, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012. Cháu X đang sống cùng với chị H, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Chí T không đến Tòa án làm việc, không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trung H đối với anh Nguyễn Chí T.

Về quan hệ con chung: Anh, chị chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo X, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012. Hiện con chung đang sống với mẹ, chị H xin nuôi con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Chí T là bị đơn trong vụ án vắng mặt không lý do. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 22 tháng 3 năm 2021 thì anh T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp Hòa An, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập anh T lên Tòa làm việc nhưng anh T không đến cũng như không có lời khai về vụ án. Anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương vào giờ hành chính, Tòa án có tổng đạt đầy đủ các văn bản theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chí T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn, không cùng chung quan điểm nên thường phát sinh tranh cãi bất hòa. Đến tháng 6 năm

2013 anh, chị sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy T cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung của chị H và anh T không có sự hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2013 cho đến nay, anh T cũng không có thiện chí để hàn gắn T cảm. Đến hiện tại vợ chồng không còn T cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận.

Anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt, không cung cấp lời khai, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cũng như không muốn hàn gắn T cảm vợ chồng nên Hội đồng xét không xem xét là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo X, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012. Cháu X đang sống cùng với chị H, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, cháu X cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên giao cháu X cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trung H đối với anh Nguyễn Chí T. Chị Nguyễn Thị Trung H được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo X, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012. Giao cháu Nguyễn Thị Bảo X cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trung H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007189 ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm